

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 11-12-2017

V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Phạm Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2017/TLPT - HNGĐ ngày 02/11/2017 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2017/HNGĐ -ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2017 /QĐ- PT ngày 22/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Soái Thị C, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã HT, huyện A, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã TS, huyện A, tỉnh Bắc Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Anh Trần Văn D

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là Soái Thị C trình bày:

Chị và anh D kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nên ngày 04/8/2016, Tòa án nhân dân huyện A đã xét xử cho anh chị ly hôn. Tuy nhiên, do thời điểm đó chưa có yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết về vấn đề tài sản giữa anh chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của anh chị trong thời gian chung sống gồm có: Quyền sử dụng 176,0m² tại thửa đất số 123, tờ bản

đồ số 34 tại Thôn T, xã TS, huyện A, tỉnh Bắc Giang và quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm có nhà ở khoảng 50m², quán, bếp, khu vệ sinh hiện anh D đang quản lý.

Bị đơn Anh Trần Văn D trình bày: Anh thừa nhận một phần lời khai của chị C. Anh chỉ thừa nhận, trong quá trình chung sống vợ chồng phát triển được tài sản chung là xây bếp, quán sửa xe còn nhà ở và đất ở là do gia đình anh cho. Vì vậy, nay anh chỉ đồng ý chia cho chị C $\frac{1}{2}$ tài sản mà vợ chồng phát triển được, còn nhà đất ở anh chỉ nhất trí chia bằng tiền cho chị C tương đương $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản:

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2017/HNGĐ-ST ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bắc Giang xử:

Áp dụng Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 165; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016. Xử:

Xác định quyền sử dụng đất 176m² đất ở tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 34 tại Thôn T, xã TS, huyện A, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm nhà ở, ki ốt trước nhà, quán sửa xe là tài sản chung của Chị Soái Thị C và Anh Trần Văn D, tổng trị giá là 300.000.000 đồng.

Chia thửa đất ở thành hai phần, giao cho Chị Soái Thị C được sử dụng phần đất ở phía Đông (giáp đất bà Vòng) diện tích 70m² và được sử hữu quán sửa xe gắn liền với phần đất đó, tổng trị giá là 113.000.000 đồng.

Giao cho Anh Trần Văn D được quyền sử dụng đất ở phía Tây (giáp hộ anh Tuấn), diện tích 106m² và được sở hữu nhà ở, bếp, ki ốt gắn liền với phần đất đó, tổng trị giá là 187.000.000 đồng.

Ranh giới giữa hai thửa đất là đường thẳng tiếp giáp với tường hồi phía Tây ngôi nhà mà anh D được sở hữu (có sơ đồ kèm theo bản án)

Án phí: Chị Soái Thị C phải chịu 5.650.000 đồng án phí chia tài sản. Xác nhận chị C đã nộp 3.250.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0001557 ngày 23/3/2017. Chị C còn phải nộp tiếp 2.400.000 đồng.

Anh Trần Văn D phải chịu 9.350.000 đồng án phí chia tài sản.

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành Bản án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm xử, ngày 05/10/2017 bị đơn Anh Trần Văn D làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm giao cho chị C được sử dụng 70m² đất ở. Anh chỉ đồng ý trích chia cho chị C $\frac{1}{4}$ giá trị thửa đất và trích chia cho chị C bằng tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn Anh Trần Văn D trình bày:.

Anh kháng cáo bản án sơ thẩm không đồng ý với phần chia đất cho chị C vì theo anh việc Tòa án sơ thẩm chia cho chị C 70m² đất trong phần đất của vợ chồng anh tạo dựng được trước đây gây ảnh hưởng khó khăn cho cuộc sống của anh sau này.

Anh thừa nhận việc Tòa án sơ thẩm chia cho chị C 70m² đất không gây ảnh hưởng gì đến các công trình xây dựng trên đất của anh, anh D thừa nhận chị C không còn chỗ ở nào khác.

Anh đề nghị Tòa án cho anh được trích chia cho Chị Soái Thị C công sức đóng góp bằng tiền trị giá ¼ tài sản chung của vợ chồng.

Nguyên đơn Chị Soái Thị C trình bày:

Chị không đồng ý với kháng cáo của anh D. Bản án sơ thẩm xử chia cho chị 70m² đất để chị đảm bảo cuộc sống của mẹ con chị vì vậy chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh D giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung:

Bản án sơ thẩm căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ điều kiện thực tế của đương sự xử chia tài sản chung vợ chồng giữa Chị Soái Thị C và Anh Trần Văn D đúng quy định của pháp luật. Chia cho Chị Soái Thị C 70m² đất trong tổng số 176m² đất ở của vợ chồng chị C anh D để đảm bảo chị C có chỗ ở nuôi dạy con cái say ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Anh Trần Văn D giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2016/HNGĐ – ST ngày 04/8/2016 Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bắc Giang đã giải quyết cho Anh Trần Văn D và Chị Soái Thị C được ly hôn nhưng chưa giải quyết phần chia tài sản chung vợ chồng vì các đương sự chưa có yêu cầu. Nay Chị Soái Thị C đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn, Tòa án thụ lý vụ kiện, xác định

quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” là đúng quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Anh Trần Văn D về việc không đồng ý trích chia công sức cho Chị Soái Thị C bằng hiện vật mà anh D chỉ đồng ý trích chia công sức cho chị C bằng tiền trị giá $\frac{1}{4}$ thửa đất 123 tờ bản đồ số 34 diện tích 176m² thấy: Diện tích 176m² đất tại thửa số 123 tờ bản đồ số 34 được UBND huyện A, tỉnh Bắc Giang cấp cho Anh Trần Văn D, Chị Soái Thị C nên đây là tài sản chung của anh D, chị C. Khi ly hôn anh D, chị C đều có nhu cầu về đất ở, anh D, chị C cũng không có đất ở nào khác. Để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ sau ly hôn do vậy cần trích chia bằng hiện vật cho các đương sự. Nguồn gốc thửa đất này của anh D, chị C có được là do bố mẹ để anh D cho nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh D phần đất có diện tích lớn hơn đã đảm bảo quyền lợi của anh D. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh D cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[3] Vì không chấp nhận kháng cáo của Anh Trần Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Anh Trần Văn D giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 148 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 5 Điều 27; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Xác định quyền sử dụng đất 176m² đất ở tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 34 tại Thôn T, xã TS, huyện A, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm nhà ở, ki ốt trước nhà, quán sửa xe là tài sản chung của Chị Soái Thị C và Anh Trần Văn D, tổng trị giá là 300.000.000 đồng.

Chia thửa đất ở thành hai phần, giao cho Chị Soái Thị C được sử dụng phần đất ở phía Đông (giáp đất bà Vòng) diện tích 70m² và được sử hữu quán sửa xe gắn liền với phần đất đó, tổng trị giá là 113.000.000 đồng.

Giao cho Anh Trần Văn D được quyền sử dụng đất ở phía Tây (giáp hộ anh Tuấn), diện tích 106m² và được sở hữu nhà ở, bếp, ki ốt gắn liền với phần đất đó, tổng trị giá là 187.000.000 đồng.

Ranh giới giữa hai thửa đất là đường thẳng tiếp giáp với tường hồi phía Tây ngôi nhà mà anh D được sở hữu (có sơ đồ kèm theo bản án)

2. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Soái Thị C phải chịu 5.650.000 đồng án phí chia tài sản. Xác nhận chị C đã nộp 3.250.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0001557 ngày 23/3/2017. Chị C còn phải nộp tiếp 2.400.000 đồng.

Anh Trần Văn D phải chịu 9.350.000 đồng án phí chia tài sản.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0001796 ngày 06/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Như Hiền